



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2011
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011**



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TOÁN
KIỂM SOÁT XÉT
BAN KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TẬP THỂ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
BÁO CÁO LỢI CHUYỂN TIỀN TỶ HỢP NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2011
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 207 chịu trách nhiệm đối với việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Sông Đà 207 và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan.

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Sông Đà 207 và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan.
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan, đầy đủ và chính xác của Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan.
- Chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất đúng hạn theo quy định của pháp luật.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp để đảm bảo tính trung thực và khách quan của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 207 đã tiến hành kiểm tra, đánh giá và xác định các rủi ro liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Sông Đà 207 và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 207 cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan, đầy đủ và chính xác của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh và tài liệu đính kèm



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Hồ Văn Dũng	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Thanh	Ủy viên
Ông Trần Trung Kiên	Ủy viên
Ông Trần Việt Sơn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2011



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2458/2011/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 26 tháng 8 năm 2011

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		429.023.029.907	356.874.500.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.106.692.772	9.570.299.990
1. Tiền	111		2.106.692.772	9.570.299.990
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.710.764.017	186.977.176.346
1. Phải thu khách hàng	131		56.670.429.889	92.912.041.565
2. Trả trước cho người bán	132		65.394.723.588	27.077.389.408
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	80.705.453.056	67.047.587.889
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(59.842.516)	(59.842.516)
IV. Hàng tồn kho	140		202.052.559.166	149.710.294.357
1. Hàng tồn kho	141	V.3	202.052.559.166	149.710.294.357
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.153.013.952	10.616.730.271
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		406.132.794	597.396.231
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.473.129.805	3.059.450.108
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.273.751.353	6.959.883.932
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.423.256.239	66.453.419.708
II. Tài sản cố định	220		52.469.578.494	52.825.258.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	16.894.458.136	18.962.717.262
- Nguyên giá	222		32.317.639.164	32.113.330.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.423.181.028)	(13.150.613.720)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.5	21.973.485.337	24.993.822.091
- Nguyên giá	225		31.018.546.559	31.018.546.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.045.061.222)	(6.024.724.468)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	13.601.635.021	8.868.718.894
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	3.600.000.000	3.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.353.677.745	10.028.161.461
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	6.833.464.955	9.296.379.671
3. Tài sản dài hạn khác	268		520.212.790	731.781.790
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		492.446.286.146	423.327.920.672

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		361.291.540.624	346.761.596.628
I. Nợ ngắn hạn	310		335.662.242.170	320.277.524.445
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	188.137.551.265	159.147.338.469
2. Phải trả người bán	312		99.160.320.692	99.726.852.246
3. Người mua trả tiền trước	313		22.587.401.897	41.843.463.414
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.897.723.961	1.805.125.436
5. Phải trả người lao động	315		9.973.371.751	5.772.705.008
6. Chi phí phải trả	316	V.12	4.795.105.115	3.626.208.235
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	7.391.958.971	7.278.714.685
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		718.808.518	1.077.116.952
II. Nợ dài hạn	330		25.629.298.454	26.484.072.183
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	17.307.171.606	17.573.788.966
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		220.934.526	227.239.476
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		8.101.192.322	8.683.043.741
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.154.745.522	76.566.324.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	131.154.745.522	76.566.324.044
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	55.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.117.077.500	8.750.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.234.300.518	5.945.997.025
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.227.024.960	1.099.525.677
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(423.657.456)	5.770.801.342
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		492.446.286.146	423.327.920.672



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Phạm Đình Hiệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	128.222.685.453	195.446.957.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		128.222.685.453	195.446.957.099
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	114.724.242.894	172.176.973.721
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.498.442.559	23.269.983.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	232.255.678	651.276.593
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.080.164.069	5.918.615.316
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.080.164.069	5.918.615.316
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.812.778.353	12.141.433.982
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(162.244.185)	5.861.210.673
11. Thu nhập khác	31		272.727.273	-
12. Chi phí khác	32		260.181.654	9.047.600
13. Lợi nhuận khác	40		12.545.619	(9.047.600)
14. Lãi trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(149.698.566)	5.852.163.073
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	273.958.890	824.011.398
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(423.657.456)	5.028.151.675
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(423.657.456)	5.028.151.675
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(46)	914



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Phạm Đình Hiệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(149.698.566)	5.852.163.073
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.292.904.062	2.108.753.646
Chi phí lãi vay	06	5.080.164.069	5.918.615.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.223.369.565	13.879.532.035
Tăng các khoản phải thu	09	(27.693.390.467)	38.509.455.842
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	(52.342.264.809)	(4.733.564.034)
Tăng các khoản phải trả	11	(7.129.114.602)	(34.649.458.378)
Tăng chi phí trả trước	12	2.654.178.153	(4.577.128.357)
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.179.820.867)	(5.918.615.316)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.678.349.765
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(561.879.956)	(8.049.911.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(90.028.922.983)	(2.861.340.248)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(2.209.951.582)	(1.257.438.992)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	232.255.678	651.276.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.977.695.904)	(606.162.399)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	56.500.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	123.750.533.528	75.532.656.650
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.136.850.979)	(59.675.507.899)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.517.156.880)	(8.309.908.843)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.053.514.000)	(728.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	84.543.011.669	6.819.189.908
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.463.607.218)	3.351.687.261
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9.570.299.990	12.639.228.377
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	2.106.692.772	15.990.915.638



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Phạm Đình Hiệp
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 207 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 được thành lập theo quyết định số 14/TCT- TCĐT ngày 04 tháng 08 năm 2003 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Sông Đà. Xí nghiệp Sông Đà 207 được chuyển thành Công ty Cổ phần Sông Đà 207 theo quyết định số 04 CT/HĐQT ngày 29/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về việc thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015669 ngày 29/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 08 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 110 tỷ đồng, chia thành 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phần số 08/GCN - SGDHN, Công ty Cổ phần Sông Đà 207 với mã chứng khoán là SDB được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2010.

Các đơn vị phụ thuộc và trực thuộc Công ty gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 207 - Chi nhánh Nha Trang	Số 100/6A Trần Phú, phường Lập Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Công ty Cổ phần Sông Đà 207 - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 9 toàn nhà Harmony số 47 - 49 - 51 Phùng Khắc Hoan, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207	Số 162A Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh là đơn vị trực thuộc Công ty, hạch toán theo mô hình kế toán phân tán, thực hiện kê khai và quyết toán thuế độc lập tại cơ quan thuế địa phương. Hàng quý, các đơn vị này lập báo cáo tài chính và các báo cáo tổng hợp gửi về Văn phòng Công ty để tổng hợp thành Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207 là công ty con, được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105064321 ngày 21 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và xây dựng hạ tầng đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình thủy lợi: đê đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Sản xuất, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách và vận tải đường bộ;
- Lập và thực hiện các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp. Tư vấn, lập hồ sơ dự thầu, đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn quản lý và điều hành các dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ đấu giá, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Quản lý khu đô thị, khu nhà ở, văn phòng, khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe;
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207. Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207 có vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Công ty được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105064321 ngày 21 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất sản phẩm chịu lửa và các ngành nghề khác theo giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty với Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207 là 100%.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Không có Lợi ích thiểu số trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 do Công ty chỉ có một Công ty con với quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là chiếc cần trục tháp Potain Model Mc175B P16A, bộ máy khoan thủy lực, một bộ cần Kelly massat, một bộ cần Kelly khóa cơ khí. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian đi thuê là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02 - 06

Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá trị gốc của khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính là giá trị tài sản thực đã đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con và công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với hoạt động liên doanh theo các hình thức khác không hình thành pháp nhân, Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như đối với các hoạt động kinh doanh thông thường. Trong đó:

- Công ty hạch toán riêng các tài sản góp vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, phần vốn góp vào giá trị tài sản đồng kiểm soát, các khoản công nợ chung và công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh. Giá trị lũy kế của vốn góp, giá trị tài sản góp vốn của bên đối tác và các khoản công nợ phải thu phải trả với đối tác trong liên doanh đồng kiểm soát được trình bày là số dư công nợ trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- Công ty hạch toán riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên tham gia liên doanh theo các điều khoản ghi trong hợp đồng liên doanh. Kết quả thuần sau khi phân chia được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị phục vụ thi công, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị có giá trị lớn và chi phí thuê văn phòng Phùng Khắc Khoan. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này liên quan đến hàng tồn kho được hạch toán vào giá trị hàng tồn kho, các khoản mục khác được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thi công các hạng mục công trình đã thực hiện nhưng chưa phát hành hóa đơn, giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, các biên bản nghiệm thu và phiếu giá; khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Nghị định số 108/2006/NĐCP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính Phủ và Công văn số 5241/CT - HTr ngày 02 tháng 05 năm 2008 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, Công ty được miễn thuế 2 năm đầu tiên kể từ khi có lãi và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	442.591.013	225.219.873
Tiền gửi ngân hàng	1.664.101.759	9.345.080.117
Cộng	2.106.692.772	9.570.299.990

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định thuê tài chính	1.493.724.898	1.606.520.046
Dự án Trương Đình Hội 2	40.000.000.000	60.000.000.000
Dự án Việt Hưng	37.700.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Sao Việt	1.000.000.000	-
Phải thu của cán bộ công nhân viên	478.172.258	425.223.822
Các khoản phải thu khác	33.555.900	15.844.021
Cộng	80.705.453.056	67.047.587.889

3. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.948.944.054	6.954.726.360
Công cụ, dụng cụ	720.371.125	1.164.416.498
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	192.383.243.987	141.591.151.499
Cộng: Giá gốc của hàng tồn kho	202.052.559.166	149.710.294.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	202.052.559.166	149.710.294.357

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207
Số 162 Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn hoạt động
từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09 - DN/HN

4. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	20.900.239.239	4.157.888.116	222.929.638	6.832.273.989	32.113.330.982
Mua trong kỳ	193.400.000	-	10.908.182	-	204.308.182
Tại ngày 30/06/2011	21.093.639.239	4.157.888.116	233.837.820	6.832.273.989	32.317.639.164
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	11.481.201.910	1.374.138.028	126.370.285	168.903.497	13.150.613.720
Khấu hao trong kỳ	1.434.058.884	337.324.014	21.553.092	479.631.318	2.272.567.308
Tại ngày 30/06/2011	12.915.260.794	1.711.462.042	147.923.377	648.534.815	15.423.181.028
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	9.419.037.329	2.783.750.088	96.559.353	6.663.370.492	18.962.717.262
Tại ngày 30/06/2011	8.178.378.445	2.446.426.074	85.914.443	6.183.739.174	16.894.458.136

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 5.365.061.387 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem đi cầm cố thế chấp ký cược ký quỹ đảm bảo các khoản vay 1.669.371.784 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	31.018.546.559	31.018.546.559
Tại ngày 30/06/2011	31.018.546.559	31.018.546.559
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	6.024.724.468	6.024.724.468
Khấu hao trong kỳ	3.020.336.754	3.020.336.754
Tại ngày 30/06/2011	9.045.061.222	9.045.061.222
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2011	24.993.822.091	24.993.822.091
Tại ngày 30/06/2011	21.973.485.337	21.973.485.337

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mua 2 lô đất diện tích 200m2 phường 16 quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	4.575.000.000	3.000.000.000
Tiền căn nhà số LK44 - lô số 77+78 khu đô thị Mỹ Gia, Thành phố Nha Trang	430.643.400	-
Công trình Chung cư cao cấp Bãi Dương	5.868.718.894	5.868.718.894
Tiền mua tầng 20 nhà A tòa nhà hỗn hợp HH4	2.727.272.727	-
Cộng	13.601.635.021	8.868.718.894

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	4.392.968.922	7.629.667.822
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng Phùng Khắc Khoan	2.168.250.000	1.394.465.816
Thẻ golf	272.246.033	272.246.033
Cộng	6.833.464.955	9.296.379.671

8. Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà HTC dưới hình thức công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Giá trị vốn góp là 3.600.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Vay và nợ ngắn hạn

		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy (*)	(*)	89.174.603.813	103.172.725.484
Ngân hàng TMCP An Bình Hà Nội (**)	(**)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP kỹ thương (Techcombank) (***)	(***)	32.212.236.959	2.127.709.722
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (****)		13.043.894.343	-
Nguyễn Thị Thu Hương (*****)		1.750.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 13)		1.956.816.150	3.846.903.263
Cộng		188.137.551.265	159.147.338.469

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2010/HDHM ký ngày 28/5/2010 với ngân hàng Đầu tư phát triển - Chi nhánh cầu Giấy. Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là vay vốn bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo từng hợp đồng ngắn hạn cụ thể. Lãi suất tiền vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo trị giá 195.002.000.000 đồng.

(**) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức số 10/10/HDTD - HM/ II.10 ngày 01/06/2010 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của rút vốn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 01/06/2010. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất tiền vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ và sẽ thay đổi khi có thông báo thay đổi lãi suất của ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 2.041.339.699.774 đồng.

(***) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 376/HDHMTD/TCB - SGO ký ngày 23/12/2010 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt nam. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa không quá 70 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí đầu vào. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng (đến hết ngày 23/12/2011). Thời hạn các khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

(****) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 117.11.2865/ HDTD/PGBHN ký ngày 24/1/2011 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 15.300.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất tiền vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ và có thể thay đổi theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trị giá tài sản thế chấp là 110.960.573.107 đồng.

(*****) Khoản vay bà Nguyễn Thị Thu Hương. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 19%/năm. Thời hạn vay là 1 tháng.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		857.605.283	323.951.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.298.367.229	1.024.408.339
Thuế thu nhập cá nhân		741.751.449	456.765.283
Cộng		2.897.723.961	1.805.125.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.175.732.941	730.775.594
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	324.578.728	87.910.323
Tài sản thừa chờ xử lý	-	940.403
Tiền cổ tức phải trả	4.243.128.000	4.196.642.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.648.519.302	2.262.446.365
Cộng	7.391.958.971	7.278.714.685

12. Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay + Phí bảo lãnh	476.077.003	1.437.598.186
Trích trước chi phí kiểm toán	-	65.000.000
Trích trước chi phí phát sinh chưa hoá đơn GTGT của: <i>Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà</i>	4.319.028.112	2.123.610.049
<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn FPM</i>	416.339.067	341.339.067
<i>Công trình Văn Quán</i>	200.756.000	200.756.000
<i>Công trình Văn Quán</i>	52.756.388	52.756.388
<i>Công trình Quảng Ninh</i>	-	1.028.698.587
<i>Công trình Kenton</i>	345.189.755	-
<i>Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	5.490.630
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long</i>	494.569.377	494.569.377
<i>Công ty TNHH Phát Đạt</i>	1.106.363.637	4.357.924.232
<i>Công ty TNHH ĐT và TM 901</i>	1.116.318.509	-
<i>Công ty TNHH tư vấn ĐT và SX VLXD Tiến Hoài</i>	575.479.091	-
<i>Tiền điện Usilk City</i>	11.256.288	-
Cộng	4.795.105.115	3.626.208.235

13. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy (*)	1.958.938.880	2.225.556.240
Cộng	1.958.938.880	2.225.556.240
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (**)	17.305.048.876	19.195.135.989
Cộng	17.305.048.876	19.195.135.989
Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.956.816.150)	(3.846.903.263)
Tổng cộng	17.307.171.606	17.573.788.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

(*) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay theo hợp đồng số 01/ 2008/HDTD ngày 7 tháng 4 năm 2008 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy, số tiền vay 1.847.347.200 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện dự án đầu tư mua máy bê tông và các phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo máy. Thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay năm đầu tiên là 15.8%/ năm, lãi suất các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất thả nổi ngân hàng công bố, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất 6 tháng 1 lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay và 100% số dư tài khoản tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản vay theo hợp đồng số 05/2007/HDTD ký ngày 15 tháng 11 năm 2007 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy. Số tiền vay 3.485.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện dự án đầu tư mua 2 vận thăng lồng đôi. Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất vay năm đầu tiên là 11,4%/năm, lãi suất các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất thả nổi ngân hàng công bố trong từng thời kỳ, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất 6 tháng 1 lần. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay và 100% số dư tài khoản tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(**) Khoản nợ thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

- Khoản thuê tài chính theo hợp đồng số 2010-00030-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam. Tài sản đi thuê là bộ máy khoan thủy lực model R265 , 1 bộ cần Kelly masast, 1 bộ cần Kelly khóa cơ khí và phụ kiện. Tiền thuê là 29.551.500.000 đồng, thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê là 14% / năm. Lãi suất phạt bằng 150% lãi suất thuê. Giá trị mua lại dự kiến bằng 1% giá mua ban đầu của tài sản.
- Khoản thuê tài chính theo hợp đồng số 2236 - 07077 ngày 22/3/2007, với Công ty cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam. Tài sản thuê tài chính là cần trục tháp. Tiền thuê là 4.841.074.000 đồng, thời hạn thuê 48 tháng , lãi suất thuê là 12,12%/năm. Lãi suất phạt bằng 150% lãi suất thuê. Giá trị mua lại dự kiến bằng 1% giá mua ban đầu của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207
Số 162 Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn hoạt động từ
01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	55.000.000.000	8.750.000.000	4.454.392.771	538.396.036	4.403.950.789	73.146.739.596
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.691.843.730	11.691.843.730
Phân phối các quỹ	-	-	1.491.604.254	561.129.641	(3.174.993.177)	(1.122.259.282)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.150.000.000)	(7.150.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	55.000.000.000	8.750.000.000	5.945.997.025	1.099.525.677	5.770.801.342	76.566.324.044
Tăng vốn trong kỳ	55.000.000.000	1.500.000.000	-	-	-	56.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(423.657.456)	(423.657.456)
Phân phối các quỹ	-	-	4.288.303.493	127.499.283	(4.670.801.342)	(254.998.566)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Giảm khác	-	(132.922.500)	-	-	-	(132.922.500)
Tại ngày 30/06/2011	110.000.000.000	10.117.077.500	10.234.300.518	1.227.024.960	(423.657.456)	131.154.745.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	110.000.000.000	55.000.000.000
	110.000.000.000	55.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	55.000.000.000	55.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	55.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	110.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.150.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	Cổ phần	Cổ phần
Số liệu cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	5.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>5.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.000.000	5.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>5.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.222.685.453	195.446.957.099
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	65.784.273	56.021.781
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.281.518.337	918.193.243
Doanh thu hợp đồng xây dựng	124.875.382.843	194.472.742.075
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.222.685.453	195.446.957.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	65.784.273	30.173.026
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.911.353.182	1.135.991.737
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	111.747.105.439	171.010.808.958
Cộng	114.724.242.894	172.176.973.721

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	232.255.678	651.276.593
Cộng	232.255.678	651.276.593

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí lãi vay	5.080.164.069	5.918.615.316
Cộng	5.080.164.069	5.918.615.316

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế, trong đó:	(149.698.566)	5.852.163.073
Công ty CP Sông Đà 207	(1.245.534.126)	5.852.163.073
Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207	1.095.835.560	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	43.301.952
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	43.301.952
Thu nhập chịu thuế	1.095.835.560	5.895.465.025
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	273.958.890	1.473.866.256
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	649.854.858
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	273.958.890	824.011.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(423.657.456)	5.028.151.675
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	5.500.000	5.500.000
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	11.000.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.166.667	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(46)	914

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư và cung cấp dịch vụ	10.068.528.671
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	9.959.437.762
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	109.090.909

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Mua hàng hóa, vật tư, sử dụng dịch vụ	14.864.284.393
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	2.244.404.518
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	12.619.879.875

b. Số dư với các bên liên quan

	30/06/2011 VND
Các khoản phải thu thương mại	5.368.893.707
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	5.368.893.707
Các khoản phải trả thương mại	3.954.448.147
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	3.954.448.147

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán và số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 7 năm 2011



Phạm Đình Hiệp
Kế toán trưởng